NHÀ XƯỞNG GỖ, DỆT MAY

TT	Quy định				Thực tế kiểm tra	Kết luận
1	Phân loại chung	Phân nhóm nhà	Nhà và công trình, gian phòng sản xuất: F 5.1	QCVN 06:2010/BXD Bảng 6		
		Thuộc diện quản lý về PCCC	Cơ sở sản xuất công nghiệp, sản xuất chế biến hàng hóa khác có hạng nguy hiểm cháy, nổ C.	Phụ lục I, Nghị định 79/2014/NĐ-CP		
		Cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	- Cơ sở sản xuất, chế biến gỗ; dệt may có khối tích ≥5.000 m^3. - Kho chứa gỗ, hàng dệt may có khối tích từ 1.000 m^3 - Bãi chứa gỗ, hàng dệt may có diện tích từ 500 m^2	Phụ lục II, Nghị định 79/2014/NĐ-CP		
		Thuộc diện thẩm duyệt về PCCC	- Cơ sở sản xuất, chế biến gỗ; dệt may có khối tích từ 5.000 m^3. - Kho chứa gỗ, hàng dệt may có khối tích từ 1.000 m^3	Phụ lục IV, Nghị định 79/2014/NĐ-CP		
2	Khoảng cách PCCC	Bậc I, II	- Đến nhà có bậc chịu lửa I, II thuộc hạng sản xuất D, E: không quy định - Đến nhà có bậc chịu lửa I, II thuộc hạng sản xuất A, B, C: 9m - Đến nhà có bậc chịu lửa III: 9m - Đến nhà có bậc chịu lửa IV, V: 12m	QCVN 06:2010/BXD Bảng E1, phụ lục E		
		Khoảng cách đối với nhà và công trình có bậc chịu lửa I, II thuộc hạng sản xuất A, B, C được giảm từ 9m xuống còn 6m nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau: *- Nhà và công trình được trang bị hệ thống chữa cháy tự động.* *- Tải trọng riêng làm bằng các chất cháy trong các ngôi nhà thuộc hạng sản xuất C ≤ 10 kg/m^2 diện tích tầng.*				
		Bậc III	- Đến nhà có bậc chịu lửa I, II: 9m - Đến nhà có bậc chịu lửa III: 12m - Đến nhà có bậc chịu lửa IV, V: 15m			
		Bậc IV, V	- Đến nhà có bậc chịu lửa I, II: 12m - Đến nhà có bậc chịu lửa III: 15m			

			- Đến nhà có bậc chịu lửa IV, V: 18m			
		Lưu ý: Không quy định khoảng cách giữa các nhà sản xuất và công trình công nghiệp trong những trường hợp sau: *- Tổng diện tích mặt sàn của 2 ngôi nhà trở lên có bậc chịu lửa III, IV không vượt quá diện tích cho phép tầng lớn nhất trong phạm vi một khoang cháy* *- Tường của ngôi nhà, công trình cao hơn hoặc rộng hơn, quay về phía một công trình khác là tường ngăn cháy* *- Nhà và công trình có bậc chịu lửa III không phụ thuộc vào độ nguy hiểm cháy theo hạng sản xuất có tường đứng đối diện là tường đặc hoặc tường có lỗ được xây kín bằng gạch block kính (hoặc kính có cốt) với GHCL ≥ 60p*			
		Các trường hợp khoảng cách PCCC được lấy nhỏ hơn quy định (khoảng cách này được xác định từ tường ngôi nhà đến đường ranh giới khu đất của ngôi nhà):		QCVN 06:2010/BXD Bảng E3, Phụ lục E		
		Trong khoảng từ 0 - 1 m	*Tường ngoài là tường ngăn cháy loại 1 (đối với nhà có bậc chịu lửa I, II) và tường ngăn cháy loại 2 (đối với nhà có bậc chịu lửa III, IV) (Không được mở lỗ cửa)*			
		Trong khoảng từ 1 đến ≤ 1,5 m (Phải tính toán tỷ lệ % diện tích lỗ mở cửa (diện tích bề mặt không được bảo vệ chống cháy) so với tổng diện tích bề mặt bức tường đối diện đường ranh giới khu đất của công trình)	*Cho phép tường mở lỗ ≤ 4%*			
		Trong khoảng từ 1,5 m - ≤ 3 m	*Cho phép tường mở lỗ ≤ 8%*			
		Trong khoảng từ 3 m đến dưới 6 m	*Cho phép tường mở lỗ ≤ 20%*			
		> 6m	*Cho phép tường mở lỗ ≤ 40%*			
		Lưu ý: các giá trị có thể tính nội suy				

3	Bố trí mặt bằng	Bố trí kho chứa thành phẩm trong nhà sản xuất	Đặt giáp tường biên và cách ly với gian lân cận bằng vách ngăn, tấm sàn, tấm trần có GHCL ≥ EI 250	TCVN 4317:1986 Đ 3.8		
		Bố trí kho khác trong nhà sản xuất	Cách ly với gian lân cận bằng vách ngăn, tấm sàn, tấm trần có GHCL ≥ EI 45	TCVN 4317:1986 Đ 3.8		
		Bảo quản sơn, dung môi, hóa chất	Trong các kho riêng biệt hoặc tầng hầm (đối với dung môi), khu vực đó phải được thông gió và trang bị phương tiện PCCC Những chất dễ phản ứng với nhau phải để riêng biệt	TCVN 2292:1978 Đ 6.1		
		Diện tích cho phép lớn nhất của 1 tầng nhà trong phạm vi 1 khoang cháy và số tầng tối đa cho phép	- Hạng sản xuất C: + Bậc chịu lửa I, II: không quy định số tầng và diện tích khoang cháy; + Bậc chịu lửa III: số tầng tối đa cho phép là 3; diện tích khoang cháy cho phép của 1 tầng là 5.200m^2,; + Bậc chịu lửa IV thì số tầng tối đa: 1, khoang cháy cho phép là 2.600m^2 + Bậc chịu lửa V thì số tầng tối đa: 1, khoang cháy cho phép là 1.200m^2	QCVN 06:2010/BXD Bảng H6, Phụ lục H		
		Lưu ý: *- Các gian sản xuất có thiết bị chữa cháy tự động diện tích sàn giữa các tường ngăn cháy cho phép tăng lên so với quy định nhưng không được quá 2 lần.* *- Khi các phòng hoặc gian sản xuất được trang bị hệ thống báo cháy tự động thì diện tích sàn giữa các tường ngăn cháy cho phép tăng 25% so với quy định* *- Đối với cơ sở sản xuất, kho chứa gỗ có bậc chịu lửa II: diện tích khoang cháy cho phép là 10.400m^2 đối với nhà 1 tầng, 7.800m^3 đối với nhà 2 tầng, 5.200m^3 đối với nhà từ 3 tầng;* *- Diện tích khoang cháy ở tầng 1 của nhà nhiều tầng, khi sàn trần tầng 1 có GHCL 150p, được phép lấy như diện tích khoang cháy của nhà 1 tầng*			
4	Đường giao thông phục vụ chữa cháy	Yêu cầu bố trí	Phải bố trí đường cho xe chữa cháy theo toàn bộ chiều dài: - Từ 1 bên, khi chiều rộng nhà và công trình < 18m - Từ cả 2 bên, khi chiều rộng ≥ 18m Nhà có diện tích xây dựng ≥ 10.000m^2 hoặc rộng ≥ 100m thì phải có lối vào cho xe chữa cháy từ mọi phía	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.6		
		Chiều rộng thông thủy	≥ 3,5 m	QCVN 06:2010/BXD		

				Đ 5.2		
		Chiều cao thông thủy	≥ 4,5 m			
		Đường cụt cho 1 làn xe	≤ 150m, cuối đường phải có bãi quay xe			
		Khoảng cách từ nơi đỗ xe tới họng tiếp nước vào nhà	≤ 18m			
		Tiếp cận nguồn nước bên trong công trình	Phải tiếp cận được			
		Tiếp cận được đến các nhà	Phải tiếp cận được đến các nhà	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.5		
		Khoảng cách từ mép đường xe chạy đến tường nhà	Trong khoảng 5 - 8 m không được bố trí tường ngăn, đường dây tải điện, trồng cây thành hàng			
5	Lối thoát nạn, lối ra khẩn cấp	Số lối thoát nạn của 1 phòng	- Các gian phòng phải có tối thiểu 2 lối thoát nạn: + Có mặt đồng thời hơn 50 người, trong tầng hầm và tầng nửa hầm có mặt đồng thời hơn 15 người + Gian phòng > 25 người hoặc có diện tích > 1.000m^2 + Các sàn công tác hở hoặc sàn dành cho người vận hành, bảo dưỡng thiết bị trong gian phòng có diện tích > 400m^2 - Phải được bố trí phân tán.	QCVN 06:2010/BXD Đ 3.2.5 Đ 3.2.8		
		Cửa ra các phòng	Các phòng trên 15 người phải có hướng mở cửa theo chiều lối thoát từ trong ra ngoài	Đ 3.2.10		
		Cửa trên đường thoát nạn	Mở theo chiều lối thoát từ trong ra ngoài. Trên đường thoát nạn không được bố trí cửa cuốn, cửa xoay, cửa trượt	Đ 3.2.10		
		Chiều rộng thông thủy lối thoát nạn	≥ 1,2m từ các gian phòng khi số người thoát nạn lớn hơn 50 người	Đ 3.2.9		
		Số lối thoát nạn từ các tầng	≥ 2 khi tầng có gian phòng có yêu cầu số lối ra ≥ 2 ≥ 2 đối với tầng nhóm F5 khi số người làm việc trong ca đông nhất > 25 Phải bố trí phân tán	Đ 3.2.7 Đ 3.2.8		

		Số lối thoát nạn từ ngôi nhà	Không ít hơn số lối thoát nạn từ các tầng	Đ 3.2.7		
		Khoảng cách thoát nạn cho phép	Từ chỗ làm việc xa nhất đến lối ra thoát nạn gần nhất	Bảng G3 Phụ lục G		
			Từ cửa của gian phòng có diện tích đến 1.000m^2 tới lối thoát nạn gần nhất	Bảng G4 Phụ lục G		
		Số lượng người tối đa thoát nạn trên 1m chiều rộng của lối ra thoát nạn	Từ 1 gian phòng của nhà sản xuất	Bảng G7 Phụ lục G		
			Từ hành lang của nhà sản xuất	Bảng G8 Phụ lục G		
6	Đường thoát nạn	Chiều rộng thông thủy	≥ 1,2 m đối với hành lang chung dùng để thoát nạn cho hơn 50 người từ các gian phòng ≥ 1m đối với các trường hợp còn lại	Đ 3.3.6		
		Chiều cao thông thủy	≥ 2 m	Đ 3.3.6		
		Trên đường thoát nạn	Không được bố trí cầu thang xoắn ốc, thang cong toàn phần hoặc từng phần. Trên sàn đường thoát nạn không được có các giật cấp. Tại chỗ giật cấp phải bố trí bậc thang với số bậc không nhỏ hơn 3 hoặc làm đường dốc với độ dốc ≤ 6 độ	Đ 3.3.7		
7	Cầu thang bộ trên đường thoát nạn	Chiều rộng bản thang	≥ 1,2 m đối với nhà có số người trên tầng bất kỳ (trừ tầng 1) lớn hơn 200 người ≥ 0,9 m đối với các trường hợp còn lại	Đ 3.4.1		
		Chiều rộng chiếu thang	Không nhỏ hơn chiều rộng bản thang	Đ 3.4.3		
		Bề rộng mặt bậc thang	≥ 25 cm	Đ 3.4.2		
		Chiều cao bậc	≤ 22 cm	Đ 3.4.2		
8	Điều kiện ngăn cháy	Ngăn cháy theo khoảng thông tầng	Cầu thang loại 2 đi từ sảnh tầng 1 phải ngăn cách với hành lang và phòng liền kề bằng vách ngăn cháy ≥ EI 45 (trừ trường hợp cơ sở trang bị chữa cháy tự động)	QCVN 06:2010/BXD Đ4.26, 4.27		
		Yêu cầu ngăn cháy giữa các phần nhà và gian phòng thuộc các nhóm	Phải thực hiện	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.5		

		nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau				
		Bố trí đường ống kỹ thuật, đường cáp đi xuyên qua các kết cấu tường, sàn, vách	Phải được chèn bịt hoặc xử lý thích hợp tại chỗ tiếp giáp	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.12		
		Bố trí các đường ống vận chuyển hỗn hợp bụi và đường ống thông gió	Không bố trí xuyên qua tường, sàn, vách ngăn cháy	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.22		
		Bố trí trần treo	- Trong không gian bên trên trần treo không được bố trí các kênh, đường ống để vận chuyển chất cháy dạng khí, hỗn hợp bụi - khí, chất lỏng và vật liệu cháy - Các kênh, giếng và đường ống này không được bố trí xuyên qua tường, sàn ngăn cháy loại 1	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.12 QCVN 06:2010/BXD Đ 4.22		
		Sàn của các phòng sản xuất có sử dụng, bảo quản chất lỏng dễ cháy	Phải làm bằng vật liệu không cháy	TCVN 2622:1995 Đ 5.1		
		Sàn nơi đặt máy, thiết bị công nghệ có sử dụng chất lỏng dễ cháy của khu vực phun sơn	Phải làm bằng vật liệu không cháy. Dưới bệ máy, thiết bị phải có vách chắn bằng vật liệu không cháy hoặc có khay hứng	TCVN 2622:1995 Đ 9.9		
		Điều kiện đối với ống dẫn	Ống dẫn của hệ thống thông gió, hơi chất lỏng và bụi gỗ và phế liệu gỗ phải làm bằng vật liệu không cháy.	TCVN 2622:1995 Đ 9.28		
		Bố trí khoang đệm luôn có áp suất không khí dương	Phải bố trí tại các cửa đi trong các bộ phận ngăn cháy dùng để ngăn gian phòng hạng A, B với không gian khác như phòng hạng C, D, E; hành lang, buồng thang bộ, sảnh thang máy	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.19		
9	Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Bố trí lối ra mái	- Nhà có chiều cao ≥ 10m tính đến diềm mái hoặc mép trên của tường ngoài phải có lối ra mái trực tiếp từ buồng thang bộ, hoặc đi qua tầng áp mái, hoặc đi theo cầu thang bộ loại 3, hoặc đi	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.7 Đ 5.8		

			theo thang chữa cháy ngoài nhà. - Trong các tầng áp mái (trừ nhà nhóm F4) phải có lối ra mái qua các thang cố định và cửa đi, cửa nắp hoặc cửa sổ có kích thước ≥ 0,6x0,8m			
		Số lối ra mái	≥ 01 lối đối với: - Mỗi khoảng cách ≤ 100m chiều dài của nhà có tầng áp mái - Mỗi diện tích ≤ 1.000m^2 mái của nhà không có tầng áp mái thuộc nhóm F1, F2, F3, F4 - Mỗi 200m chu vi của nhà nhóm F5 đi theo các thang chữa cháy	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.7		
		Bố trí thang chữa cháy	Phải bố trí tại các điểm chênh lệch độ cao của mái >1m	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.11		
		Sử dụng thang chữa cháy	Phải sử dụng thang loại P1 để lên độ cao đến 20m và chỗ chênh lệch độ cao của mái từ 1 - 20m, thang loại P2 để lên độ cao > 20m và chỗ chênh lệch độ cao > 20m	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.12		
		Phòng trực điều khiển chống cháy (đối với công trình có diện tích ≥ 18.000m^2)	- Phải có và bố trí nhân viên có chuyên môn thường xuyên trực - Diện tích ≥ 6 m^2 - Có 2 lối ra vào: 1 lối thông với không gian trống ngoài nhà và 1 lối thông với hành lang thoát nạn - Ngăn cách với các phần khác của nhà bằng bộ phận ngăn cháy loại 1 - Có lắp đặt thiết bị thông tin và đầu mối của hệ thống báo cháy liên hệ với tất cả các khu vực của cơ sở - Có bảng theo dõi điều khiển thiết bị chữa cháy, khống chế khói và sơ đồ mặt bằng bố trí các thiết bị PCCC của cơ sở	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.18		
10	Trang bị phương tiện PCCC	Xe chữa cháy	Nhà máy dệt có công suất trên 20 triệu m^2/năm phải trang bị 01 xe chữa cháy	TCVN 3890:2009 Đ 9.1.1		
		Máy bơm chữa cháy di động	Phải trang bị	TCVN 3890:2009		

				Đ 9.1.1		
		Hệ thống báo cháy tự động	Nhà xưởng với khối tích từ 5.000m^3; Nhà kho với khối tích từ 1.000m^3	TCVN 3890:2009 Đ 6.1.3		
		Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà	Nhà xưởng, nhà kho có diện tích từ 500m^2 hoặc khối tích từ 2.500m^3 Hệ thống phải thường xuyên có nước được duy trì áp suất đảm bảo yêu cầu chữa cháy	TCVN 3890:2009 Đ 8.1.1 Đ 8.1.4		
		Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà	Phải trang bị	TCVN 3890:2009 Đ 8.2.1		
		Hệ thống chữa cháy tự động	- Nhà kho chứa vật liệu và sản phẩm gốc xenlulo; len, dạ, da; vật liệu, hàng hóa gỗ, dệt may bảo quản trên giá cao từ 5,5m; - Phòng, buồng sản xuất, làm kho chứa vật liệu và sản phẩm gỗ, vật liệu và sản phẩm từ len, dạ, da có diện tích từ 300 m^2 - Phòng, buồng sản xuất, làm kho chứa dung môi, keo dán, sơn, matit, dung dịch ngâm tẩm, buồng sơn. - Phòng, buồng: + Ở tầng lửng, tầng hầm + Tầng nổi khác có diện tích từ 300m^2 - Thiết bị có buồng sơn sử dụng chất lỏng dễ cháy hoặc chất lỏng cháy - Buồng sấy - Thùng, téc dầu chứa có dung tích từ 3 m^3	TCVN 3890:2009 Phụ lục C		
		Phương tiện cứu người	Cơ sở cao trên 25m hoặc có trên 50 người/tầng	TCVN 3890:2009 Đ 10.1.1		
		Dụng cụ phá dỡ	Phải trang bị	TCVN 3890:2009 Đ 10.1.7 a, b		
		Hệ thống thông gió	- Phải trang bị tại: + Phân xưởng sơn, buồng sơn, bãi sơn; + Kho chứa sơn, dung môi, chất pha loãng, chất đóng rắn, dung dịch rửa và khử dầu mỡ, chất đánh bóng; + Những nơi có mức độ bụi hơi, khí đốt vượt quá các giá trị cho phép	TCVN 2622:1995 Đ 9.34		

			+ Trong nhà kho bảo quản hàng hóa có tỏa ra các chất độc với nồng độ vượt quá giới hạn cho phép - Trong các phòng sinh ra những chất dễ cháy, nổ hòa vào không khí thì các bộ phận của máy thông gió và thiết bị điều khiển của đường ống thông gió phải đảm bảo không có khả năng tạo ra tia lửa - Bộ phận lọc của hệ thống thải bụi hay các chất dễ bắt lửa, dễ nổ phải có phương pháp khử bụi tự động, liên tục và ngăn ngừa khả năng phát tia lửa - Trong các phòng sản xuất có thể gây nổ, các động cơ điện của hệ thống thải khí đặt trong phòng cùng với máy quạt gió phải là động cơ chống nổ			
		Hệ thống hút khói	- Từ hành lang thường xuyên có người của tầng hầm, tầng nửa hầm không có chiếu sáng tự nhiên - Từ hành lang có chiều dài > 15m không có chiếu sáng tự nhiên của nhà sản xuất từ 2 tầng - Từ hành lang, sảnh chung sử dụng buồng thang bộ không nhiễm khói của các nhà công năng khác nhau - Từ sảnh thông tầng của nhà có chiều cao > 28m, từ các sảnh thông tầng > 15m và từ các hành lang có cửa đi hoặc ban công mở thông với không gian của sảnh thông tầng trên. - Từ gian phòng sản xuất trong các nhà có bậc chịu lửa IV, không có chiếu sáng tự nhiên hoặc có chiếu sáng tự nhiên qua cửa sổ hoặc cửa trời nhưng không có dẫn động cơ khí để mở các lỗ thông thoáng của cửa sổ (ở cao độ ≥ 2,2, tính từ mặt sàn đến mép dưới của lỗ	QCVN 06:2010/BXD Phụ lục D		

			cửa) và mở các lỗ thông ở cửa mái - Từ gian phòng không có chiếu sáng tự nhiên sau: + Gian phòng với diện tích ≥ 50m^2, có người làm việc, dùng để cất giữ hoặc sử dụng chất và vật liệu cháy + Phòng thay, gửi đồ có diện tích ≥ 200 m^2			